TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/DS-ST
Ngày: 14/11/2017
"V/v Kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.

2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 71/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc *"Kiện đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Anh Huỳnh Phú Q, sinh năm 1969
- Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 589 đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

Anh Huỳnh Phú Q là người đại diện theo ủy của chị Lê Thị Thanh T (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2017). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 47/8 đường A, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 47/8 đường A, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Phú Q đồng thời lại người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Đầu năm 2012, vợ anh là chị Lê Thị Thanh T có quen biết với chị Đinh Nguyễn Thụy M thông qua việc mua bán thẻ điện thoại. Vào tháng 7 năm 2012, chị H biết vợ chồng anh làm ăn thất bại nên có hứa hẹn nói cho vợ chồng anh mượn tiền. Chị H nói đang có khoản tiền lớn ở Ngân hàng nước ngoài, muốn rút tiền thì phải đóng phí, lệ phí Ngân hàng thì mới rút tiền được. Do tin tưởng nên vợ chồng anh đã cho chị H mượn tiền nhiều lần. Cụ thể các lần mượn tiền như sau:

- Tháng 8/2012 anh đưa cho chị H mượn 26.000.000 đồng để đóng tiền phí quản L ngoại hối.

- Tháng 9/2012 vợ chồng anh đưa cho chị H mượn 3 lần tiền tổng cộng là 37.000.000 đồng và 500 Đô la Mỹ tương đương 10.000.000 đồng (1USD = 20.000 đồng) để đóng phí và lệ phí công chứng.

- Tháng 10/2012 anh và vợ anh đưa cho chị H 02 lần tiền tổng cộng là 65.000.000 đồng cũng để đóng phí và lệ phí Ngân hàng.

- Ngày 20/10/2012, chị H nói vợ chồng anh đưa tiền để chị H đặt cọc mua căn hộ Hoàng Anh G tại Thành phố H và anh đã chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của chị H 50.000.000 đồng.

- Từ cuối năm 2012 đến tháng 3/2013 chị H có nhận của vợ anh số tiền 185.000.000 đồng để làm thủ tục đi du học cho con một người bạn vợ của anh.

- Từ tháng 3/2013 đến giữa năm 2013 vợ anh đưa tiền cho chị H nhiều lần tổng cộng số tiền đưa cho chị H trong thời gian này là: 251.000.000 đồng.

Tổng cộng chị H đã vay mượn của vợ chồng anh là 624.000.000 đồng. Cuối năm 2014 chị H có trả cho vợ chồng anh nhiều lần với số tiền 39.000.000 đồng. Nay chị H còn nợ vợ chồng anh số tiền 585.000.000 đồng ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)***.

Trong thời gian trên, vợ chồng anh đã yêu cầu trả nợ rất nhiều lần, nhưng chị H hứa hẹn mà không trả. Ngày 06/02/2015 chị H có viết giấy và hẹn trả nợ cho vợ chồng anh hàng tuần, nhưng đến tháng 10/2015 chị H vẫn không thực hiện theo thỏa thuận. Đến ngày 13/10/2015 bà Đinh Thị L là bác ruột của chị H có viết giấy bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất là 180m^2 tại địa chỉ 47/8 A Ma Quang, tổ 9, phường H Lư, thành phố P, tỉnh G.

Do chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên vợ chồng anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H phải trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc 585.000.000đ ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)*** và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/10/2015 đến ngày khởi kiện là 93.600.000đ ***(Chín ba triệu sáu trăm nghìn đồng)***. Tổng cộng chị H phải trả cho vợ chồng anh là 678.600.000đ ***(Sáu trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng)***. Nay, anh rút một phần yêu cầu không yêu cầu chị H trả nợ lãi, giữ nguyên yêu cầu chị H phải trả một lúc số tiền gốc 585.000.000đ ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng).***

Nếu chị H không trả được số tiền trên thì vợ chồng anh yêu cầu bà Đinh Thị L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho chị H bằng quyền sử dụng đất là 180m^2 đất có chiều ngang 6m, dài 30m tại địa chỉ 47/8 đường A, tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh G theo giấy bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2015.

2. Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H trình bày:

Chị công nhận có mượn tiền của vợ chồng anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T nhiều lần. Đến thời điểm này chị còn nợ anh Q và chị T số tiền 585.000.000đ ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)*** như anh Q và chị T đã khởi kiện là đúng. Riêng yêu cầu của anh Q và chị T yêu cầu chị phải trả lãi, chị yêu cầu anh Q và chị T tính toán lại, vì khi chị mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất.

Đối với yêu cầu của vợ chồng anh Q, chị T yêu cầu bà Đinh Thị L là bác ruột của chị thực hiện việc bảo lãnh đối với nghĩa vụ của chị. Chị có ý kiến như sau: Thực tế chị có viết dùm cho bác chị là bà Đinh Thị L giấy bảo lãnh cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 180m^2 (chiều ngang 6m, dài 30m) cho vợ chồng anh Q để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho chị. Bà L đã ký vào giấy cam kết với điều kiện vợ chồng anh Q phải rút đơn tố cáo chị tại Công an, nhưng sau đó anh Q không rút đơn tố cáo chị mà còn làm đơn khởi kiện chị ra Tòa. Do vợ chồng anh Q không thực hiện đúng với yêu cầu của bác chị nên đến thời điểm này bác chị không đồng ý bảo lãnh để trả nợ thay cho chị. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đinh Thị L trình bày:

Bà là bác ruột của chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H. Khoảng tháng 10/2015, anh Huỳnh Phú Q và vợ là chị Lê Thị Thanh T gửi đơn tố cáo chị H qua Công an thành phố P, tỉnh G về việc chị H vay mượn tiền của vợ chồng anh Q. Bà đã gặp anh Q tại nhà bà và có nói với anh Q nếu anh Q rút đơn tố cáo chị H thì bà sẽ chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà cho vợ chồng anh Q để cấn trừ nợ cho chị H. Tuy nhiên anh Q và chị T không thực hiện việc rút đơn mà còn thuê người đến gây áp lực cho chị H. Do vậy, bà không đồng ý chuyển nhượng đất để trả nợ cho chị H nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H trả lại số tiền vay. Người bị kiện có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P nên đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Huỳnh Phú Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị H và bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H trả số tiền vay 585.000.000 đồng. Chị H công nhận chị có vay tiền của vợ chồng anh Q, chị T nhiều lần tổng cộng chị còn nợ anh Q, chị T số tiền 585.000.000 đồng như anh Q chị T đã khởi kiện là đúng. Do chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên anh Q và chị T có đơn khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Tại giấy ghi nợ ngày 06/02/2015 do chị H viết thể hiện sẽ trả dần số nợ cho anh Q và chị T hàng tuần là 5.000.000 đồng, nhưng chị H không thực hiện được. Đến ngày 15/3/2017, anh Q và chị T có đơn khởi kiện ra Tòa án. Giao dịch dân sự giữa vợ chồng anh Q và chị T được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tranh chấp giữa anh Q, chị T với chị H là tranh chấp "*Đòi lại tài sản*" phát sinh từ giao dịch dân sự (hợp đồng vay tài sản). Nên áp dụng Điều 290, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, buộc chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H thực hiện nghĩa vụ trả tiền do vi phạm hợp đồng vay tài sản cho anh Q Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/8/2017 anh Huỳnh Phú Q có đơn trình bày không yêu cầu chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T yêu cầu bà Đinh Thị L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho chị H bằng quyền sử dụng đất là 180m^2 đất có chiều ngang 6m, dài 30m tại địa chỉ 47/8 A Ma Quang, tổ 9, phường H Lư, thành phố P, tỉnh G theo giấy bảo lãnh đã ký ngày 13/10/2015 trong trường hợp chị H không trả được nợ. Yêu cầu của anh Q và chị T là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ tại giấy bảo lãnh thể hiện bà L cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho khoản nợ của chị H. Tuy nhiên việc bảo lãnh bằng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải thực hiện theo quy định tại Điều 362, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005 là phải được lập thành văn bản và có công chứng, chứng thực nhưng các bên không thực hiện theo quy định của pháp luật. Như vậy giao dịch này giữa các bên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T. Buộc chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H có

nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T số tiền 585.000.000 đồng ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)***.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T buộc bà Đinh Thị L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để cấn trừ nợ cho chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H khi chị H không trả được nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu đòi lại tài sản của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T được chấp nhận nên anh Q và chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 281, 290, 362, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

1. ***Xử***: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T.

Buộc chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T số tiền 585.000.000 đồng ***(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)***.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T buộc bà Đinh Thị L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để cấn trừ nợ cho chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H khi chị H không trả được nợ.

3. Chị Đinh Nguyễn Thụy Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.400.000 đồng ***(Hai mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)***.

Hoàn trả cho anh Huỳnh Phú Q và chị Lê Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.572.000 đồng ***(Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng)*** theo biên lai số 0003035 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Như Phượng